

Bản án số: 11/2020/HNGĐ – ST  
Ngày: 05 -5 -2020  
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Tám

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đình Cường

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít:*** không tham gia

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 337/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐST – HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

\* ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LH, xã LM, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

\* ***Bị đơn:*** Anh Đỗ Thanh P (Đỗ Thành P), sinh năm: 1970 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LH, xã LM, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:* Nguyên vào năm 2002, chị với anh Đỗ Thanh P (Đỗ Thành P) tiến đến hôn nhân là do tìm hiểu và tự nguyện được gia đình hai bên chấp nhận, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LM, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 30/12/2002, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75/2002.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại ấp LH, xã LM, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đã về nhà cha mẹ ruột tại ấp HM, xã MA, huyện M, tỉnh Vĩnh Long sinh sống và ly thân với chồng đến nay. Kể từ đó, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm

gì đến cuộc sống của nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên là Đỗ Nguyễn Thanh N1, sinh ngày 04/8/2010 và Đỗ Thành P1, sinh ngày 06/7/2013, hiện đang sống với anh P. Khi ly hôn, chị tự nguyện giao 02 con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

*Tại bản khai ý kiến ngày 10 tháng 3 năm 2020 anh Đỗ Thành P trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, con chung như chị N trình bày là đúng. Nay anh đồng ý ly hôn với chị N, con chung anh đồng ý tiếp tục nuôi hai con là Đỗ Nguyễn Thanh N1 và Đỗ Thành P1, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh yêu cầu Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Nguyễn Thị N và bị đơn Đỗ Thanh P (Đỗ Thành P) có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn đề ngày 20 tháng 01 năm 2020 và anh Đỗ Thanh P (Đỗ Thành P) có đơn đề ngày 10 tháng 3 năm 2020 yêu cầu Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng chị N, anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và Đỗ Thanh P (Đỗ Thành P) kết hôn theo P tục tập quán, đến ngày 30/12/2002, chị N và anh P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LM, huyện M, tỉnh Vĩnh Long đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị N cho rằng thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đã về nhà cha mẹ ruột tại ấp HM, xã MA, huyện M, tỉnh Vĩnh Long sinh sống và ly thân với chồng đến nay, anh P cũng thừa nhận vợ chồng thường mâu thuẫn và đồng ý ly hôn với chị N. Như vậy có đủ cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N với anh P là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Đỗ Nguyễn Thanh N1, sinh ngày 04/8/2010 và Đỗ Thành P1, sinh ngày 06/7/2013, hiện đang sống với cha là anh P, chị N tự nguyện giao 02 con chung cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con, anh P cũng đồng ý. Xét trong thời gian vợ chồng ly thân cháu Ngân và cháu Phát sống với anh P, cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định, trong quá trình Tòa án giải quyết cháu Ngân cũng có nguyện vọng sống với cha là anh

P. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N: tiếp tục giao cháu Ngân và cháu Phát cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con do bên trực tiếp nuôi con không yêu cầu nên không xem xét.

[ 4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đỗ Thanh P (Đỗ Thành P).

2/Về con chung: Giao Đỗ Nguyễn Thanh N1, sinh ngày 04/8/2010 và Đỗ Thành P1, sinh ngày 06/7/2013 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Do bên trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0007315 ngày 05 tháng 12 năm 2019, chị N không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAT: 01;
- VKSND huyện M:01;
- THADS huyện M: 01;
- UBND xã LM (2002):01;
- Đương sự: 02;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Võ Thị Tám**